UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG KIẾN AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:3182 /UBND-XDNNMT	*Kiến An, ngày* 16 *tháng* 7 *năm 2026*

V/v chấp thuận đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Phòng

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 144/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn**;**

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn**;**

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 14/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Kiến An (nay là phường Kiến An) đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 12/1/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực hệ thống y tế thành phố Hải Phòng triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân" ;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 13/2/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt điều chỉnh Đề án "Nâng cao năng lực hệ thống y tế thành phố Hải Phòng triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân";

Trên cơ sở đề nghị của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường về việc đề xuất chấp thuận đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Phòng; Ủy ban nhân dân phường chấp thuận nội dung đồ án nêu trên với các nội dung sau *(Có bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng gửi kèm theo)*:

1. Vị trí, phạm vi và ranh giới quy hoạch:

- Vị trí: Khu đất nằm trong địa giới hành chính phường Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông Nam giáp khu dân cư hiện hữu;

+ Phía Đông Bắc giáp đường Mạc Thiên Phúc và khu dân cư hiện hữu;

+ Phía Tây Nam công viên Nhi Đức;

+ Phía Tây Bắc giáp đường Việt Đức và khu dân cư hiện hữu.

2. Tính chất, chức năng:

- Tính chất: Là khu đất xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Phòng đạt tiêu chuẩn hạng I với quy mô 500 đến 600 giường bệnh trở lên, được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, góp phần là điểm nhấn của hình ảnh đô thị của phường Kiến An nói riêng và thành phố nói chung.

- Chức năng: chức năng chính của bệnh viện là thăm khám, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, bệnh nhi trong thành phố Hải Phòng và khu vực lân cận.

3. Quy mô:

- Quy mô diện tích: 33.097,29m^2 .

4. Quy hoạch sử dụng đất:

- Nội dung phương án quy hoạch tổng mặt bằng:

+ Đất xây dựng công trình có diện tích 9.239,12m² chiếm 27,92% (bao gồm đất công trình xây mới - cải tạo và đất công trình hiện trạng);

+ Đất khu xử lý kỹ thuật và công trình phụ trợ có diện tích 585,68m²

chiếm 1,77% (bao gồm Khu xử lý nước thải, chất thải rắn; Bể nước PCCC; Trạm điện);

+ Đất cây xanh có diện tích 10.049,79m² chiếm 30,36%;

+ Đất giao thông, sân đường nội bộ, bãi đỗ xe có diện tích 13.222,71m² chiếm 39,95%;

- Tỷ lệ các loại đất và các chỉ tiêu sử dụng đất với từng loại đất cụ thể trong bảng thống kê sau:

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT			
TT	**Loại đất**	**Diện tích**	**Tỉ lệ**
		(m²)	**(%)**
1	Đất xây dựng công trình	9.239,12	27,92
2	Đất khu kỹ thuật và công trình phụ trợ	585,68	1,77
3	Đất cây xanh	10.049,79	30,36
4	Đất giao thông, sân đường nội bộ, bãi đỗ xe	13.222,71	39,95
	Tổng diện tích quy hoạch	**33.097,29**	**100,00**

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT					
TT	**Loại đất**	**Ký hiệu**	**Diện tích**	**Tỉ lệ**	**Tầng cao tối đa**
			(m²)	**(%)**	**(tầng)**
1	**Đất xây dựng công trình**		**9.239,12**	**27,92**	
a	**Công trình xây mới - cải tạo**		**5.244,32**		
1.1	Cổng phụ kết hợp nhà bảo vệ	1A	16,00		1
1.2	Nhà khám bệnh + Hành chính	3	1.011,27		5
1.3	Nhà Điều trị bệnh tự kỷ	4	720,00		5
1.4	Nhà Khoa ngoại	6	1.605,84		5
1.5	Nhà Điều trị Quốc tế	9	922,14		5
1.6	Căng tin + Siêu thị + Phòng tiêm Vacxin	11	300,00		3
1.7	Nhà để xe nhân viên	12	170,80		3
1.8	Nhà Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	13	200,00		2
1.9	Nhà khí y tế	14	87,29		1
1.10	Giảng đường Y + Kho lưu trữ	15	210,98		3
b	**Công trình hiện trạng**		**3.994,80**		
1.11	Cổng chính kết hợp nhà bảo vệ	1	72,08		1
1.12	Phòng tiêm Vacxin	2	56,60		1
1.13	Nhà bệnh nhiệt đới	5	468,58		4
1.14	Nhà điều trị nội trú + cấp cứu (Nhà G)	7	1.755,87		6
1.15	Nhà Khoa hồi sức cấp cứu, sơ sinh (nhà H)	8	1.532,58		5

1.16	Nhà giải phẫu bệnh	10	109,08		1
2	**Đất khu kỹ thuật và công trình phụ trợ**		**585,68**	**1,77**	
2.1	Khu xử lý nước thải , chất thải rắn	C	460,68		-
2.2	Bể nước PCCC (ngầm)	B	90,00		-
2.3	Trạm điện	Z	125,00		-
3	**Đất cây xanh**	CX	**10.049,79**	**30,36**	-
4	**Đất giao thông, sân đường nội bộ, bãi đỗ xe**		**13.222,71**	**39,95**	
4.1	Bãi đỗ xe 1	P1	852,72		-
4.2	Bãi đỗ xe 2	P2	933,68		2
4.3	Bãi đỗ xe 3	P3	661,27		-
4.4	Đất giao thông, sân đường nội bộ		10.775,04		
	Tổng diện tích quy hoạch		**33.097,29**	**100,00**	

5. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- ***Kiến trúc*:**

+ Tổ chức không gian kiến trúc bệnh viện nhi khoa hiện đại, hợp lý và chuyên nghiệp, phù hợp với khám chữa bệnh trẻ em. Cảnh quan sinh động, thân thiện giúp giảm căng thẳng cho trẻ nhỏ.

+ Bố trí nhiều cây xanh nhằm tạo môi trường trong lành và hạn chế bụi, tiếng ồn.

+ Kiến trúc khu bệnh viện đồng nhất về công năng và hài hòa với cảnh quan xung quanh.

+ Khoảng lùi tối thiểu của các công trình theo bề rộng lộ giới đường và chiều cao xây dựng công trình tuân thủ quy định trong Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD.

- ***Cảnh quan*:**

+ Bố trí không gian cảnh quan hài hoà với không gian cảnh quan đô thị hiện hữu và cảnh quan các dự án lân cận.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch hệ thống công trình giao thông

a1. Giao thông đối ngoại

Đường phía Tây Nam khu vực lập quy hoạch có lộ giới 15,0m (mặt cắt 1-1):

+ Chiều rộng lòng đường: = 9,0m.

+ Chiều rộng vỉa hè hai bên: 2x3,0m = 6,0m.

Đường Mạc Thiên Phúc và đường phía Đông Nam khu vực lập quy hoạch có lộ giới 12,0m (mặt cắt 2-2 và mặt cắt 2.1-2.1):

+ Chiều rộng lòng đường: = 6,0m.

+ Chiều rộng vỉa hè hai bên: 2x3,0m = 6,0m.

a2. Giao thông trong khu vực

- Giao thông nội bộ là các đường giao thông liên kết giữa các khu vực bên trong với nhau và với các cổng ra vào kết nối với các đường giao thông đối ngoại, lộ giới 11,0m (mặt cắt 3-3):

+ Chiều rộng lòng đường: = 7,0m.

+ Chiều rộng vỉa hè hai bên: 2x2,0m = 4,0m.

- Ngoài ra còn có các đường kết nối giữa các khu vực với nhau và với đường nội bộ, chiều rộng 3,6÷11,5m.

- Bãi đỗ xe: Bố trí 02 bãi đỗ xe ngoài trời; 01 bãi đỗ xe 2 tầng và 01 Nhà để xe 03 tầng. Tổng diện tích = 3.893,75m2.

b. Quy hoạch hệ thống công trình chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ nền xây dựng: ≥+2,3m (theo Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 14/6/2025).

- Thoát nước mưa:

+ Giữ nguyên một số tuyến cống thoát nước hiện trạng.

+ Quy hoạch mương nắp đan thoát nước kích thước B300.

+ Quy hoạch bổ sung hệ thống cống BTCT kích thước D600.

+ Hướng thoát nước mưa: Nước mưa khu vực quy hoạch thoát ra cống thoát nước mưa hiện trạng.

c. Quy hoạch hệ thống công trình cấp nước

- Nguồn cấp: Từ nhà máy nước Cầu Nguyệt.

- Công trình đầu mối cấp nước: Quy hoạch bể ngầm và trạm bơm PCCC tại ô ký hiệu B trên bản vẽ.

- Mạng lưới đường ống:

+ Quy hoạch đường ống cấp nước Ø150 đấu nối với tuyến ống cấp nước hiện trạng, ở phía cổng chính, kí hiệu số 1 trên bản vẽ.

+ Quy hoạch mạng đường ống cấp nước có kích thước từ Ø40 đến Ø110 đến bể nước PCCC và các công trình dùng nước.

- Cấp nước chữa cháy:

+ Mạng lưới cấp nước chữa cháy riêng với mạng lưới cấp nước sinh hoạt.

+ Nguồn nước chữa cháy: Từ bể nước PCCC, nước được cấp theo đường ống Ø110 đến các họng nước chữa cháy ngoài nhà; Các họng cứu hoả được bố trí trên đường ống cấp nước ≥Ø110.

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy là mạng lưới cấp nước chữa cháy bên ngoài nhà và công trình. Mạng lưới cấp nước chữa cháy bên trong nhà và công trình được xác định tại các bước tiếp theo của dự án và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d. Quy hoạch hệ thống công trình cung cấp năng lượng và chiếu sáng

d1. Cấp điện

- Nguồn cấp điện: Từ TBA 110kV Kiến An và TBA Quán Trữ.

- Giữ nguyên công suất hiện trạng, di chuyển vị trí trạm hạ thế Bệnh viện Nhi, công suất 560kVA, trạm hạ thế Bệnh viện nhi Đức, công suất 2x560kVA và máy phát điện dự phòng đến vị trí quy hoạch, tại ô kí hiệu Z trên bản vẽ.

- Lưới trung áp 22kV:

+ Giữ nguyên tuyến điện nổi 22kV phía Đông Bắc và phía Đông Nam khu vực lập quy hoạch, đảm bảo an toàn đường dây dẫn điện trên không.

+ Quy hoạch tuyến cáp ngầm 22kV-Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC, tiết diện 3x90mm2, từ TBA Cầu Niệm 7 hiện trạng cấp đến trạm hạ thế quy hoạch.

- Lưới hạ áp 0,4kV: Quy hoạch tuyến cáp ngầm 0,4kV-Cu/XLPE/PVC, tiết diện 4x25mm2 đến 4x240mm2 cấp nguồn từ trạm hạ thế quy hoạch đến các phụ tải điện.

d2. Chiếu sáng

- Nguồn cấp điện chiếu sáng: Từ TBA trong khu vực quy hoạch, thông qua tủ chiếu sáng.

- Điều khiển chiếu sáng trong khu vực quy hoạch bằng hệ thống tự động theo thời gian.

- Đèn chiếu sáng: Sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường; Công suất 115w/đèn; Cấp bảo vệ: IP66; Cấp cách điện: CLASS I.

- Lưới điện chiếu sáng: Được cung cấp bởi tuyến cáp ngầm 0,4kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC, tiết diện 4x10mm2.

đ. Quy hoạch hệ thống công trình thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng với thoát nước mưa.

+ Giữ nguyên một số tuyến cống thoát nước hiện trạng; quy hoạch bổ sung hệ thống cống kích thước D160 đến D200.

- Cải tạo, nâng công suất trạm xử lý nước thải hiện trạng đạt 645 m3/ngày đêm để đảm bảo phù hợp quy hoạch.

+ Nước thải phải được xử lý đạt theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát ra môi trường (vị trí điểm xả; giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm được cơ quan quản lý Nhà nước cấp phép).

+ Hướng thoát nước thải: Nước thải sau khi được xử lý thoát vào hệ thống cống thoát nước hiện trạng.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Phân loại CTR ngay tại nguồn thành CTR thông thường và CTR nguy hại (CTR nguy hại lây nhiễm và CTR nguy hại không lây nhiễm).

+ Bố trí các thùng lưu chứa CTR bằng nhựa có nắp đậy, có phân loại tại khu vực khám bệnh, sân, đường dạo với cự ly không quá 100m để thuận tiện cho việc thu gom. Thu gom CTR theo giờ đã định.

+ Giữ nguyên 01 điểm tập trung chất thải rắn để lưu chứa, phân loại trước khi vận chuyển về các khu xử lý.

+ CTR thông thường sẽ được thu gom và vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung của thành phố.

+ Chất thải nguy hại gồm chất thải nguy hại lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm sẽ thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo các quy định hiện hành.

e. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng viễn thông thụ động

- Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc khu vực lập quy hoạch được thiết kế phù hợp để đấu nối với mạng viễn thông hiện có của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn phường Kiến An; đáp ứng đủ dung lượng cho nhu cầu sử dụng dịch vụ trong khu vực quy hoạch..

7. Các vấn đề cần lưu ý:

- Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung, số liệu trong bản vẽ tổng mặt bằng; đảm bảo đúng phạm vi, chỉ giới khu đất; đảm bảo không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực; tổ chức công bố, công khai quy hoạch; hoàn thiện hồ sơ cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) sau khi được chấp thuận đồ án, đảm bảo phù hợp với các nội dung kỹ thuật về cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định.

- Giao Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hải Phòng theo quy định.

Ủy ban nhân dân phường Kiến An thông báo để các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, P.XDNN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG KIẾN AN TP HẢI PHÒNG

Nguyễn Phong Doanh